TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 181 /2024/DS-PT
Ngày: 26/3/2024
V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Nhàn**

Các Thẩm phán: Bà **Lê Thị Hồng Tâm**

Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Võ Tấn Dũ**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà **Hà Thúy Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp:" *Hợp đồng góp hụi*"**.**

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 279/2023/DS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 129/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1962.

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Ông Võ Trọng P, sinh năm 2000. (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. ***Bị đơn:***

2.1 Bà Phạm Thị Mỹ N, sinh năm 1972. (có mặt)

2.2 Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Văn M: Bà Phạm Thị Mỹ N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bà N và ông M: Luật sư Lê Thị M1- Đoàn luật sư tỉnh Đ. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:***

Bà với vợ chồng bà N, ông M có giao kết góp hụi. Vợ chồng bà N có tham gia các dây dụi do bà làm đầu thảo, cụ thể như sau:

Dây hụi 01: Hụi tháng 1.000.000đồng, khui ngày 10/9/2016 âm lịch, gồm 24 phần, vợ chồng bà N vô 02 phần, tên trong giấy hụi là M, bà có giao danh sách hụi cho vợ chồng bà N. Vợ chồng bà N đã hốt hết, đóng hụi chết còn nợ lại 13 kỳ là 26.000.000đồng. Dây hụi đã mãn ngày 10/7/2018AL.

Dây hụi 02: Hụi tháng 1.000.000đồng, khui ngày 04/11/2016 âm lịch, gồm 21 phần, vợ chồng bà N vô 02 phần, tên trong giấy hụi là M, bà có giao danh sách hụi cho vợ chồng bà N. Vợ chồng bà N đã hốt hết, đóng hụi chết còn nợ lại 12 kỳ là 24.000.000đồng. Dây hụi đã mãn ngày 04/6/2018Al.

Dây hụi 03: Hụi tháng 500.000đồng, khui ngày 19/10/2016 âm lịch, gồm 24 phần, vợ chồng bà N vô 02 phần, tên trong giấy hụi là M, bà có giao danh sách hụi cho vợ chồng bà N. Vợ chồng bà N đã hốt hết, đóng hụi chết còn nợ lại 11 kỳ là 11.000.000đồng. Dây hụi đã mãn ngày 19/8/2018.

Khi bà N hốt hụi bà ghi giấy tính tiền hụi(không ký biên nhận riêng), vợ chồng bà N nhận tiền thì ký tên vào sổ hụi(danh sách hụi) của bà.

Tổng cộng vợ chồng bà N còn nợ bà 61.000.000đồng tiền hụi chết, đã trả được 1.000.000đồng, hiện còn nợ 60.000.000đồng. Bà yêu cầu vợ chồng bà N trả 60.000.000đồng làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

**** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn*** Phạm Thị Mỹ N ***và*** Nguyễn Văn M ***trình bày:***

Vợ chồng bà có tham gia 03 dây hụi do bà Nguyễn Thị D tổ chức như sau:

Dây hụi 01: Hụi tháng 1.000.000đồng, khui ngày 10/9/2016 âm lịch, gồm 24 phần, vợ chồng bà vô 02 phần, hụi mãn ngày 10/7/2018 âm lịch. Vợ chồng bà đã hốt hết, đóng hụi chết còn nợ lại 09 kỳ là 18.000.000đồng.

Dây hụi 02: Hụi tháng 1.000.000đồng, khui ngày 04/11/2016 âm lịch, gồm 21 phần, vợ chồng bà N vô 02 phần, hụi mãn ngày 04/6/2018 âm lịch. Vợ chồng bà đã hốt hết, đóng hụi chết còn nợ lại 12 kỳ là 24.000.000đồng.

Dây hụi 03: Hụi tháng 500.000đồng, khui ngày 19/10/2016 âm lịch, gồm 24 phần, vợ chồng bà N vô 02 phần, hụi mãn ngày 19/5/2018 âm lịch. Vợ chồng bà đã hốt hết, đóng hụi chết đầy đủ, không có nợ bà D.

Tổng cộng vợ chồng bà thiếu bà D 42.000.000đồng tiền hụi, đã trả được 1.000.000đồng. Vợ chồng bà chỉ còn nợ bà D 41.000.000 đồng tiền hụi và đồng ý trả 41.000.000đồng cho bà D.

Bản án sơ thẩm số 279/2024/DS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 147, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016; Nghị định số HYPERLINK "https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-144-2006-nd-cp-ho-hui-bieu-phuong-15679.aspx" \o "Nghị định 144/2006/NĐ-CP" \t "_blank" 144/2006/NĐ-CP27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

1.1. Buộc bà Phạm Thị Mỹ N và ông Nguyễn Văn M phải trả cho bà Nguyễn Thị D 41.000.000 đồng tiền hụi.

1.2. Không chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D yêu cầu bà Phạm Thị Mỹ N và ông Nguyễn Văn M trả thêm 19.000.000đồng.

Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà N, ông M chậm thi hành số tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo các đương sự.

Ngày 15/12/2023, bà Nguyễn Thị D kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án DSST, buộc bà Phạm Thị Mỹ N và ông Nguyễn Văn M liên đới trả cho bà đủ số tiền hụi là 60.000.000đồng và tiền lại chậm thực hiện nghĩa vụ của số tiền 60.000.000 đồng, kể từ ngày 20/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 47 tháng là 23.406.000đồng.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Bị đơn không đồng ý yêu cầu kháng cáo, tự nguyện hỗ trợ thêm cho bà Nguyễn Thị D số tiền 14.000.000đồng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm ghi nhận, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

- Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau: Bà Phạm Thị Mỹ N và ông Nguyễn Văn M trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền là 41.000.000 đồng tiền hụi và hỗ trợ thêm cho bà Nguyễn Thị D số tiền 14.000.000đồng, tổng cộng là 55.000.000đồng; bà Nguyễn Thị D đồng ý nhận 55.000.000đồng, xem như bà N và ông M thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ của 03 dây hụi, không yêu cầu trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ từ khi vi phạm đến ngày Tòa án xét xử.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng

kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận tại phiên tòa (có bài phát biểu), Kiểm sát viên có ý kiến như sau: Bản án sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa hai bên đã thỏa thuận thống nhất số tiền trả nợ, nội dung thỏa thuận không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đơn kháng cáo nộp trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp:“ Hợp đồng góp hụi” là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án DSST, buộc bà Phạm Thị Mỹ N và ông Nguyễn Văn M liên đới trả cho bà đủ số tiền hụi là 60.000.000đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ của số tiền 60.000.000 đồng, kể từ ngày 20/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 47 tháng là 23.406.000đồng.

Xét tại phiên tòa phúc thẩm, hai bên đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị Mỹ N và ông Nguyễn Văn M trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền là 41.000.000 đồng tiền hụi và hỗ trợ thêm cho bà Nguyễn Thị D số tiền 14.000.000đồng, tổng cộng là 55.000.000đồng; bà Nguyễn Thị D đồng ý nhận 55.000.000đồng, xem như bà N và ông M thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ của 03 dây hụi, không yêu cầu trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ từ khi vi phạm đến ngày Tòa án xét xử. Xét thấy, nội dung thỏa thuận của các đương sự hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử công nhận. Đây là tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm. Do vậy, HĐXX công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do Hội đồng xét xử sửa bản án DSST nên bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí DSPT theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 148, Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 279/2023/DS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 147, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016; Nghị định số HYPERLINK "https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-144-2006-nd-cp-ho-hui-bieu-phuong-15679.aspx" \o "Nghị định 144/2006/NĐ-CP" \t "_blank" 144/2006/NĐ-CP27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ.

1. Công nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị D và bà Phạm Thị Mỹ N, ông Nguyễn Văn M.

1.1 Bà Phạm Thị Mỹ N và ông Nguyễn Văn M liên đới trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 55.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

1.2 Bà Nguyễn Thị D không yêu cầu bà N, ông M trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ từ khi vi phạm đến ngày Tòa án xét xử.

2. Về án phí:

Bà Phạm Thị Mỹ N và ông Nguyễn Văn M phải chịu 2.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị D.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử:
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Nhàn